

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến
khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 16/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải Đường sông Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 27/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 68/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố đường thủy nội địa quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 49/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tờ trình số 32/SGTVT-GTT ngày 02 tháng 6 năm 2009 và Công văn số 247/SGTVT-GTT ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Sở Giao thông vận tải; ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 2191/STP-VB ngày 30 tháng 7 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi quy hoạch:

- Phạm vi phục vụ trực tiếp: Khu vực thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm vi phục vụ gián tiếp: Các tỉnh phụ cận, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Làm cơ sở để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới đường thủy và cảng - bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh một cách hợp lý và đồng bộ, có quy mô phù hợp với từng khu vực, hình thành những trung tâm kết nối giữa vận tải thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng các công trình trong phạm vi có liên quan đến bờ và lòng sông, kênh, rạch thành phố Hồ Chí Minh.

- Làm cơ sở khuyến khích đầu tư và phát triển các công trình liên quan trực tiếp đến hệ thống sông, kênh, rạch, phát triển năng lực giao thông vận tải đường thủy, hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và phục vụ vận tải đường biển.

- Góp phần phát triển kinh tế xã hội và cải tạo cảnh quan môi trường đô thị của thành phố.

3. Quan điểm và nội dung quy hoạch:**3.1. Quan điểm quy hoạch:**

- Quy hoạch mạng lưới giao thông thủy thành phố được quy hoạch theo quan điểm duy trì và cải tạo các luồng tuyến giao thông thủy hiện có, đồng thời tìm kiếm những luồng tuyến mới có khả năng khai thác vận tải thủy.

- Quy hoạch xây dựng các cảng hàng hóa đường sông: theo quan điểm tiếp cận thuận lợi với hệ thống cảng biển thành phố Hồ Chí Minh, đối lưu hàng hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh phụ cận, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và vận tải đường biển.

- Phát triển cảng hành khách và cảng du lịch đường sông.

3.2. Quy hoạch mạng lưới các tuyến đường thủy:

- Các tuyến đường thủy nội địa (gọi tắt là ĐTNĐ) địa phương khu vực thành phố Hồ Chí Minh sau quy hoạch, bao gồm: 87 tuyến với tổng chiều dài là 574,1km; được phân cấp như sau:

- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp I : 03 tuyến - L= 23km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp II : 01 tuyến - L= 1,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp III : 02 tuyến - L= 24,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp IV : 21 tuyến - L= 137,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp V : 20 tuyến - L= 181,6km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp VI : 41 tuyến - L= 206,9km.

(Chi tiết danh mục các tuyến đường thủy nội địa địa phương khu vực thành phố Hồ Chí Minh được nêu tại phụ lục 1).

- Các tuyến đường sông chuyên dùng gồm 02 tuyến với tổng chiều dài 2,6km (xem phụ lục 2).

- Các tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn thành phố được thống kê theo Quyết định số 68/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải về Công bố đường thủy nội địa quốc gia, bao gồm 16 tuyến với chiều dài 252km (chi tiết danh mục nêu tại phụ lục 3).

- Các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố được thống kê theo Quyết định số 49/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải về Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm 07 tuyến với tổng chiều dài 146,8km (chi tiết danh mục nêu tại phụ lục 4).

Các tuyến đường thủy nội địa địa phương kết hợp với các tuyến đường sông chuyên dùng, các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố hình thành mạng lưới vận tải thủy liên kết giữa các khu vực của thành phố Hồ Chí Minh và giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận; cụ thể như sau:

3.2.1. Các tuyến liên tỉnh:

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Tây (Đồng bằng sông Cửu Long):

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau - Hà Tiên (Kiên Lương): kênh Tẻ, kênh Đồi - rạch Ông Lớn - kênh Cây Khô - rạch Bà Lào - sông Cần Giuộc - kênh Nước Mặn - sông Vàm Cỏ - kênh Chợ Gạo (Cà Mau) - kênh Vấp Vò (Sa Đéc) - sông Hậu

Giang - Rạch Sỏi (Hậu Giang) - kênh Rạch Giá (Hà Tiên) - kênh Ba Hòn - thị trấn Kiên Lương;

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Tháp Mười - Tứ giác Long Xuyên: kênh Tẻ, kênh Đoi - sông Chợ Đệm Bến Lức - sông Thủ Thừa - kênh Đồng Tiến - sông Tiền - Vàm Nao - sông Hậu - kênh Ba Thê - kênh Tám Ngàn;

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Đông:

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa (Đồng Nai): Tuyến sông Sài Gòn - sông Đồng Nai;

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương (Thủ Dầu Một): sử dụng luồng sông Sài Gòn ngược lên phía Bắc Thành phố tới Củ Chi, Hóc Môn;

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh: tuyến sông Sài Gòn - rạch Tra - kênh Thầy Cai - sông Vàm Cỏ Đông.

3.2.2. Các tuyến nối tắt và liên kết nội thành với khu vực cảng biển mới:

- Các tuyến nối tắt:

+ Tuyến rạch Chiếc - rạch Trau Trầu - sông Tắc - (nối tắt sông Sài Gòn và sông Đồng Nai);

+ Tuyến rạch Giồng Ông Tố - rạch Đồng Trong - rạch Chiếc (nối ngã 3 Đền Đò - Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1);

+ Tuyến nối tắt Thị Vải - Đồng bằng sông Cửu Long: đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Góc Tre Nhỏ - sông Vàm Sát - sông Lò Rèn - sông Dinh Bà - sông Dân Xây.

- Các tuyến nối kết nội thành - khu cảng biển Gò Dầu - Thị Vải:

+ Tuyến sông Bến Lức - sông Cần Giuộc - rạch Bà Lào - rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp - tắc Sông Chà - sông Lòng Tàu - sông Đồng Tranh 1 - Tắc Ông Trung - sông Đông Khô - rạch Ông Trúc - sông Thị Vải;

+ Tuyến kênh Tẻ - rạch Ông Lớn - rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè - sông Lòng Tàu - sông Đồng Tranh 1 - Tắc Ông Trung - sông Đông Khô - rạch Ông Trúc - sông Thị Vải.

- Các tuyến nối kết nội thành - khu cảng biển Hiệp Phước:

+ Tuyến rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè;

+ Tuyến rạch Ông Lớn 2 - sông Phước Kiển - rạch Mương Chuối - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Tôm - sông Mương Chuối - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Dừa - sông Giồng - rạch Giồng - sông Kinh Lộ - sông Soài Rạp.

- Tuyến Vành Đai Ngoài: sông Sài Gòn - rạch Tra - kênh Xáng An Hạ - kênh Lý Văn Mạnh - sông Chợ Đệm Bến Lức - sông Cần Giuộc - rạch Bà Lào - rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp - Tắc sông Chà - sông Nhà Bè - sông Đồng Nai - sông Tắc - rạch Trau Trầu - rạch Chiếc - sông Sài Gòn.

3.2.3. Các tuyến nội thành:

- Tuyến Vành Đai Trong: sông Sài Gòn - sông Vàm Thuật- rạch Bến Cát -sông Trường Đay - kênh Tham Lương - kênh 19/5 - rạch Nước Lên - sông Bến Lức - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn;

- Tuyến trục Đông - Tây:

+ Tuyến sông Sài Gòn - kênh Tẻ - kênh Đôi - sông Chợ Đệm Bến Lức;

+ Tuyến rạch Bến Nghé - kênh Tàu Hũ;

- Các tuyến riêng lẻ: Tuyến Lò Gốm - Ông Buông; kênh Ngang số 1, số 2, sông 3, kênh Thanh Đa.

3.2.4. Các tuyến liên kết nội thành vùng ven:

- Tuyến nội đô - ven đô hành trình: sông Sài Gòn (Bến Bạch Đằng) - Bình Quới Thanh Đa - Lái Thiêu (Bình Dương) - Đền Bến Dược (Củ Chi).

- Tuyến nội thành - khu du lịch Cần Giờ hành trình: sông Sài Gòn (Bến Bạch Đằng) - sông Nhà Bè - sông Lòng Tàu - sông Dàn Xây - bến du lịch Đền Xanh (xã Long Hòa);

3.3. Quy hoạch mạng lưới cảng - bến thủy nội địa:

3.3.1. Quy hoạch cảng:

- Sắp xếp cảng hàng hóa, hành khách trên tuyến kênh Tẻ.

- Chính trang và sắp xếp hoạt động khu cảng Trường Thọ trên rạch Đào thuộc địa bàn phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cảng hàng hóa đường sông: Cảng Phú Định tại ngã 3 sông Cần Giuộc - sông Chợ Đệm Bến Lức - Kênh Đôi thuộc phường 16, quận 8; Cảng Long Bình trên sông Đồng Nai thuộc phường Long Bình, quận 9.

- Xây dựng mới cảng hàng hóa: Cảng Nhơn Đức trên giao tuyến của rạch Bà Lào với rạch Dơi - sông Kinh (sông Đồng Điền) thuộc huyện Nhà Bè.

- Quy hoạch cải tạo một phần Cảng Sài Gòn (sau khi Cảng Sài Gòn quy hoạch chuyển đổi công năng sau năm 2010) tại vị trí Bến Nhà Rồng, Khánh Hội thành cảng hành khách du lịch cỡ nhỏ và trung tâm dịch vụ hàng hải.

- Xây dựng bến tàu khách quốc tế 50.000GRT tại khu vực công viên Phú Thuận (Mũi Đèn Đỏ).

- Quy hoạch xây dựng cảng hành khách du lịch tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.

3.3.2. Quy hoạch bến thủy nội địa:

- Cải tạo và sắp xếp lại khu bến tàu khách Bạch Đằng.

- Quy hoạch các bến hàng hóa trên tuyến Vành đai ngoài và phía bắc thành phố.

- Quy hoạch các bến khách tại các trục kênh Tàu Hũ, kênh Tẻ - kênh Đôi và sông Sài Gòn.

- Sắp xếp lại hệ thống các bến hàng hóa, bến hành khách.

4. Các dự án ưu tiên thực hiện:

4.1. Về tuyến vận tải:

- Hoàn thành di dời giải tỏa cư dân ven kênh và xây dựng kè chỉnh trang kênh Tẻ (quận 4 - quận 7) trong giai đoạn 2010 - 2012.

- Hoàn thành di dời giải tỏa cư dân ven kênh và xây dựng kè chỉnh trang kênh Thanh Đa, quận Bình Thạnh.

- Dự án khai thông tuyến đường thủy nối sông Sài Gòn và sông Đồng Nai qua ngã Rạch Chiếc.

- Dự án khai thông tuyến thủy nội địa nối ngã ba Đèn Đỏ - Nhà máy Xi măng Hà Tiên I qua rạch Giồng Ông Tố.

- Dự án xây dựng tuyến đường thủy Vành đai trong và Vành đai ngoài.

- Dự án khai thông tuyến nối tắt Đồng bằng sông Cửu Long với Vũng Tàu Thị Vải: đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Gốc Tre Nhỏ - sông Vàm Sát - sông Lò Rèn - sông Dinh Bà - sông Dân Xây.

- Dự án cải tạo nâng cấp và khai thác các tuyến thủy nội địa liên kết nội thành với các khu cảng biển mới thuộc khu vực Hiệp Phước - Nhà Bè: rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè; rạch Ông Lớn 2 - sông Phước Kiển - sông Mương

Chuối; rạch Tôm - sông Mương Chuối; rạch Dơi - sông Kinh (sông Đồng Điền) và tuyến rạch Dừa - sông Giồng - sông Kinh Lộ.

4.2. Về cảng và bến:

- Cải tạo, bố trí lại khu bến Bạch Đằng với chức năng du lịch thực hiện trong giai đoạn 2009 - 2010.

- Xây dựng bến tàu khách quốc tế 50.000GRT tại khu vực công viên Phú Thuận (mũi Đền Đỏ).

- Triển khai xây dựng cảng sông mới Nhơn Đức.

- Triển khai Dự án xây dựng mạng lưới các bến khách tại các trục kênh Tàu Hũ, kênh Tẻ - kênh Đôi và sông Sài Gòn.

- Đầu tư hệ thống bến khách ngang sông trên toàn địa bàn thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Giao thông vận tải thành phố:

+ Tổ chức quản lý và phối hợp với các sở - ngành liên quan lập kế hoạch cụ thể để cải tạo và phát triển mạng lưới giao thông đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn thành phố phù hợp với tốc độ phát triển chung của thành phố.

+ Phối hợp với các đơn vị Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đường sông phía Nam, các Sở - ngành, quận - huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp san lấp, lấn chiếm trái phép sông, kênh, rạch trên các tuyến đường thủy.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiến hành rà soát, điều chỉnh các dự án ven sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố phù hợp với Quy hoạch này.

- Trong trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh quy hoạch Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định.

Điều 3.

- Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 2571/QĐ-UB ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở -

ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

Phụ lục 1
BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

ST T	Tên Sông kênh rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
I	Khu vực Củ Chi	67			
1	Kênh Thầy Cai	26,5	V	N3 Kênh An Hạ	Ranh giới Long An
2	Kênh Quyết Thắng (Gia Be)	8,5	VI	Kênh Đông	N3. Kênh Đức Lập
3	Kênh Đức Lập (S.Bà Cả Bảy)	10,0	VI	R.Bến Mương	Cuối tuyến
4	Rạch Láng The - Bến Mương	11,0	VI	N3 S.Sài Gòn	Cầu Bến Mương
5	Kênh Địa Phận	11,0	VI	N3. Rạch Tra	N3 R.Láng The
Tổng: Cấp V: 01 tuyến, L = 26,5km Cấp VI: 04 tuyến, L = 40,5km					
II	Khu vực Hóc Môn và quận 12	53,4			
6	Rạch Tra	11,0	IV	N3 S.Sài Gòn	N3 K.Thầy Cai
7	Kênh An Hạ	15,0	V	N3 K.Thầy Cai	Cầu Xáng TL10
8	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	19,0	IV	Cầu Xáng TL10	S. Bến Lức
9	Rạch Cầu Mênh - Rạch Bến Cát	8,4	VI	N3 Rạch Tra	N3 S.Trường Đay
Tổng: Cấp IV : 02 tuyến, L = 30,0km Cấp V : 01 tuyến, L = 15,0km Cấp VI : 01 tuyến, L = 8,4km					
III	Khu vực nội thành	64,6			
10	Kênh Ngang số 2	0,4	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm
11	Kênh Ngang số 3	0,4	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm
12	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay - kênh Tham Lương - rạch Nước Lên	30,0	V	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Bến Lức
13	Kênh Thanh Đa	1,3	V	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Sài Gòn
14	Rạch Bến Nghé	3,1	V	N3 Sông Sài Gòn	N4 K.Tàu Hũ
15	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	9,0	V	N4 R.Bến Nghé	Sông Bến Lức
16	Rạch Xóm Cũi - Gò Nổi	7,1	V	Kênh Đồi	N3R.Bà Lào - K.Cây Khô
17	Rạch Nhiêu Lộc - Thị Nghè	6,0	VI	N3 Sông Sài Gòn	Cầu Lê Văn Sĩ
18	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	2,8	VI	N3 Kênh Lò Gốm	Cầu Ông Buông

19	Rạch Bà Tàng - Cầu Sập	4,5	VI	N3 Kênh Đôi	Sông Cần Giuộc
Tổng: Cấp IV : 02 tuyến, L = 0,8km Cấp V : 05 tuyến, L = 50,5km Cấp VI : 03 tuyến, L = 13,3km					
IV	Khu vực Bình Chánh	36,5			
20	Sông Cần Giuộc	11,5	III	Sông Bến Lức	N3 R.Bà Lào - Cây Khô
21	Rạch Bà Ty	4,0	VI	N3 Kênh Xáng	Sông Bến Lức
22	Rạch Bà Lớn - Rạch Chôm	7,0	VI	N3 Rạch Bà Tàng	Cuối tuyến
23	Rạch Bà Lào (Xà Tồn) - R.Ngang	5,5	VI	N3 Rạch Gò Nổi	Rạch Xóm Cùi
24	Tắc Bến Rô	4,5	VI	N3 Kênh Cây Khô	Rạch Xóm Cùi
25	Rạch Chiếu - Cầu Bà Cả	4,0	VI	N3 Bà Lào	Cuối tuyến (Đa Phước)
Tổng: Cấp III : 01 tuyến, L = 11,5km Cấp VI : 05 tuyến, L = 25,0km					
V	Khu vực Thủ Đức, Q2, Q9	62,7			
26	Sông Tắc	11,5	IV	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
27	Rạch Chiếc - Trau Trầu	11,0	IV	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Tắc
28	Rạch Giồng Ông Tố	3,1	IV	N3 Sông Sài Gòn	N3 Rạch Đồng Trong
29	Rạch Đồng Trong	2,2	IV	Rạch Chiếc	Rạch Giồng Ông Tố
30	Rạch Bà Cửa - Ông Cày	6,3	VI	N3 S.Đồng Nai	N3 Rạch Chiếc
31	Rạch Ông Nhiêu	5,5	VI	N3 S.Đồng Nai	N3 Rạch Trau Trầu
32	Rạch Môn - Sông Kinh	3,6	VI	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
33	Rạch Bà Đa - Rạch Giáng	4,5	VI	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
34	Rạch Cây Cam	3,3	VI	Sông Tắc	Rạch Trau Trầu
35	Sông Kỳ Hà	4,0	VI	N3 Sông Sài Gòn	Cầu Mỹ Thủy - TL25
36	Rạch Cá Trê Lớn	2,2	VI	N3 Sông Sài Gòn	N3 S.Sài Gòn
37	Rạch Gò Dưa	3,8	VI	N3 Sông Sài Gòn	QL1 (Xa lộ Đại Hàn)
38	Sông Vĩnh Bình	1,7	VI	N3 Sông Sài Gòn	N3 Rạch Nước Trong
Tổng: Cấp IV : 04 tuyến, L = 27,8km Cấp VI : 09 tuyến, L = 34,9km					
VI	Khu vực quận 7, Nhà Bè	65,8			
39	Rạch Đĩa - R.Rơi - S.Phú Xuân	9,8	IV	Rạch Ông Lớn	Sông Nhà Bè
40	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiểng - Mương Chuối	9,0	IV	N3 Kênh Cây Khô	Sông Soài Rạp
41	R.Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	2,5	IV	N3 S.Phú Xuân	Sông Mương Chuối
42	Rạch Dơi - S.Kinh (S.Đồng Điền)	9,0	IV	Sông Cần Giuộc	Sông Nhà Bè
43	Rạch Giồng - Kinh Lộ	4,0	IV	Sông Soài Rạp	Sông Giồng (Long An)
44	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng)	5,1	V	Sông Phước Kiểng	N3 Rạch Bà Lào
45	Rạch Ông Tư Dinh	3,0	VI	Rạch Đĩa	Rạch Ông Lớn

46	Rạch Cà Cắm	3,0	VI	N3 Rạch Roi	Cầu Đa Khoa
47	Rạch Tam Đệ	1,0	VI	Sông Nhà Bè	Cuối tuyến
48	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	6,0	VI	S.Mương Chuối	Rạch Dơi
49	Rạch Đình - R.Mương Lớn	4,0	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Bầu Dừa
50	Rạch Rộp	3,6	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Đình
51	Rạch Tắc Rối (R.Cầu Kinh)	2,5	VI	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến (Q7)
52	Tắc Mương Lớn	3,3	VI	Kinh Lộ	R.Đình
<p>Tổng: Cấp IV : 05 tuyến, L = 34,3km Cấp V : 01 tuyến, L = 5,1km Cấp VI : 08 tuyến, L = 26,4km</p>					
VII	Khu vực Cần Giờ	224,1			
53	Sông Đồng Tranh 2	8,5	I	Cửa Biển Đông	S.Cát Lái
54	Sông Thêu	8,0	I	Sông Cái Mép	Cửa Cần Giờ
55	Sông Mũi Nai	6,5	I	S.Dàn Xây	S.Đồng Tranh 2
56	Tắc Sông Chà	1,2	II	S.Soài Rạp	Sông Soài Rạp
57	Sông Cát Lái - S.Vàm Sát	12,7	III	S.Đồng Tranh 2	N3 S.Lò Rèn
58	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	5,0	IV	Cửa Cần Giờ	S.Dinh Bà 2
59	Tắc Đồi Nợ	3,8	IV	Rạch Cá Nhám	Tắc Bài
60	Tắc Bức Mây	4,6	IV	Tắc Bài	Sông Đồng Tranh 1
61	Tắc Cù	6,2	IV	S.Đồng Tranh	Sông Gò Gia
62	Rạch Thiêng Liêng	7,3	IV	Sông Lòng Tàu	Tắc Bức Mây
63	Rạch Tràm - Kênh Kê	8,8	IV	Sông Dinh Bà 1	Sông Cát Lái
64	Rạch Cá Nhán	6,5	IV	Sông Thêu	Tắc Đồi Nợ
65	Tuyến nối tắt ĐBSCL-VTTVải: Đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Gốc Tre Nhỏ	2,1	IV	Sông Soài Rạp	Rạch Gốc Tre Nhỏ
66	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	12,0	V	Sông Soài Rạp	Sông Lòng Tàu
67	Tắc Cà Dao	6,5	V	Sông Lòng Tàu	Sông Dừa
68	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	7,8	V	N3 Sông Lò Rèn	Sông Lòng Tàu
69	Sông Lò Vôi	9,5	V	Sông Đồng Đình	Sông Mùng Năm
70	Sông Dinh Bà 2	6,0	V	Cửa Cần Giờ	Sông Bãi Tiên
71	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	10,7	V	Sông Dinh Bà 2	Cửa Biển
72	Rạch Gốc Tre Nhỏ - R.Rào Lớn	4,0	V	Sông Vàm Sát	Sông Soài Rạp
73	Rạch Long Vương	4,0	V	Sông Lòng Tàu	Đầu nguồn (đắp đập)
74	Tắc Ông Đại - Bà Đây - Ba Giồng	6,0	V	Sông Dinh Bà 1	Sông Lò Rèn
75	Rạch Năm Mười	3,2	V	Sông Thêu	Rạch Thiêng Liêng
76	Sông Mùng Năm - Tắc Ăn Chè	6,0	V	Sông Ông Tiên	Sông Dàn Xây
77	Sông Ông Tiên - Cá Gau	8,8	V	Sông Lò Vôi	Sông Lòng Tàu

78	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	5,7	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Lá
79	Rạch Đước - R.Sầu Quán - R.Lấp Dồi	8,7	VI	Sông Lòng Tàu	Sông Nhà Bè
80	Tắc Lớn	3,0	VI	Tắc Cà Dao	Rạch Ăn Thịt
81	Sông Cá Nhám Lớn - R.Cá Nháp Lớn	8,2	VI	Sông Cát Lái	Cửa Soài Rạp
82	Rạch Ăn Thịt - Cái Đước - Rạch Dừa	6,0	VI	Sông Dừa	Sông Lòng Tàu
83	Rạch Mồng Gà - Tắc Móc Mu	4,5	VI	Sông Lòng Tàu	Tắc Cống
84	Rạch Đôn	8,5	VI	Sông Soài Rạp	Sông Lòng Tàu
85	Rạch Đuôi Cá	4,2	VI	S.Đồng Tranh 1	Tắc Bức Mây
86	Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	4,4	VI	Sông Dừa	Sông Dừa
87	Tắc Cống	5,2	VI	Sông Ông Tiên	Sông Lòng Tàu
<p>Tổng: Cấp I : 03 tuyến, L = 23km Cấp II : 01 tuyến, L = 1,2km Cấp III : 01 tuyến, L = 12,7km Cấp IV : 08 tuyến, L = 44,3km Cấp V : 12 tuyến, L = 84,5km Cấp VI : 10 tuyến, L = 58,4km</p>					
	TỔNG CỘNG	574,1			
<p>Tổng kết: Toàn địa bàn thành phố có 87 tuyến đường thủy nội địa với tổng chiều dài 574,1km, trong đó: Cấp I : 03 tuyến, L= 23km Cấp II : 01 tuyến, L= 1,2km Cấp III: 02 tuyến, L= 24,2km Cấp IV: 21 tuyến, L= 137,2km Cấp V : 20 tuyến, L= 181,6km Cấp VI :40 tuyến, L= 206,9km</p>					

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2**BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG SÔNG CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên sông, kênh, rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Rạch Đào 1	1,1	VI	N3 S.Sài Gòn	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức
2	Rạch Đào 2	1,5	VI	Rạch Chiéc	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3
BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
QUỐC GIA KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên Sông kênh rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Kênh Tẻ	4,5	II	N3 S.Sài Gòn	N3 Kênh Đôi
2	Kênh Đôi	8,5	III	N3 Kênh Tẻ	N3 S.Chợ Đệm Bến Lức
3	Rạch Ông Lớn	5,0	III	N3 Kênh Tẻ	N3 kênh Cây Khô
4	Kênh Cây Khô	3,5	III	N3 S.Cần Giuộc	N3 rạch Ông Lớn
5	Sông Cần Giuộc	35,5	III	N3 kênh Cây Khô	N3 S.Soài Rạp
6	Sông Chợ Đệm Bến Lức	9,5	III	N3 Kênh Đôi	Ranh giới Long An
7	Tắc Ông Nghĩa	3,3	III	N3 S.Lòng Tàu	Kênh Bà Tổng
8	Kênh Bà Tổng	3,2	III	N3 Tắc Ông Nghĩa	N3 S.Soài Rạp
9	S.Đồng Tranh 1	25,3	II	N3 S.Lòng Tàu	N3 S.Ngã Bảy
10	S.Vàm Sát	9,7	III	N3 S.Lò Rèn	N3 S. Soài Rạp
11	S.Dần Xây	4,4	III	N3 S.Lòng Tàu	N3 S. Dinh Bà
12	S.Dinh Bà	6,1	III	N3 S. Dần Xây	N3 S. Lò Rèn
13	S.Lò Rèn	4,1	III	N3 S.Dinh Bà	N3 S.Vàm Sát
14	Tắc Ông Cu - Tắc Bài	7,5	III	N3 S.Gò Gia	N3 S.Đồng Tranh 1
15	Sông Sài Gòn	7,0	II	Cầu Sài Gòn	Ngã 3 Rạch Chiếc
	Sông Sài Gòn	88,1	III	Ngã 3 Rạch Chiếc	Ranh giới Tây Ninh
16	Sông Đồng Nai	26,8	I	Ngã 3 Rạch Ông Nhiêu	Cầu Đồng Nai
	TỔNG CỘNG	252,0			

Phụ lục 4**BẢNG DANH SÁCH CÁC TUYẾN HÀNG HẢI
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên Sông, kênh, rạch	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Sông Sài Gòn	16,7	N3 Đền Đò	Hạ lưu cầu Sài Gòn
2	Sông Đồng Nai	7,6	N3 Đền Đò	Ngã 3 rạch Ông Nhiều
3	Sông Nhà Bè	11,1	N3 Đền Đò	N3 S. Soài rạp - Lòng Tàu
4	Sông Soài Rạp	59,6	Cửa Biển	N3 S. Soài rạp - S. Nhà Bè (Ngã 3 Bình Khánh)
5	Sông Lòng Tàu	32,4	Sông Ngã Bảy	N3 S. Soài rạp - Lòng Tàu
6	Sông Ngã Bảy	9,3	Sông Lòng Tàu	Vịnh Gành Rái
7	Sông Dừa - Tắc Định Cậu - R Tắc Rôi	10,1	N3 Sông Lòng Tàu	Sông Lòng Tàu
	TỔNG CỘNG	146,8		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ